

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05-6-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản, phân
chia nghĩa vụ trả nợ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Dương và bà Bạc Thị Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:**
Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2022/TLST- HN&GD ngày 02 tháng 11 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, phân chia nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị N**, năm sinh 1997 – vắng mặt.

Nơi đăng ký thường trú: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; địa chỉ hiện nay: Bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn N**, sinh năm 1993 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, trụ sở tại: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết Thắng: Ông Nguyễn Phú Kh - Chức vụ: Giám đốc, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuần Giáo Điện Biên – có mặt (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Địa chỉ trụ sở giao dịch: Khố Trường Xuân, Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/10/2022, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cà Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh N chung sống như vợ chồng năm 2014, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo ngày 07/10/2015, anh chị kết hôn tự nguyện không ai ép buộc hoặc lừa dối. Chị N, anh N sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lò Văn N sử dụng ma túy không chăm lo cho gia đình, lấy tài sản của gia đình đi bán tiêu xài, đánh chị N. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 và không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Chị N xác nhận không còn tình cảm với anh N, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn N.

- Về con chung: Chị N, anh N có hai người con chung là cháu Lò Thị Trâm O, sinh ngày 15/01/2014; cháu Lò Thanh T, sinh ngày 19/11/2018. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị N, anh N có một ngôi nhà xây cấp 4 trên diện tích đất ở 156m², tọa lạc tại bản B, xã Q, huyện T. Trị giá cả nhà và đất là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), chị Ngân đề nghị giao nhà, đất cho anh Lò Văn N quản lý sử dụng và anh N có trách nhiệm trả nợ chung 70.000.000đồng cho phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo.

- Nợ chung: Chị N, anh N vay nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo số tiền 70.000.00đ (*bảy mươi triệu đồng*), trong đó: 20.000.000đ vay chương trình nước sạch, vệ sinh, môi trường theo số khế ước 6600000715165635 ngày 18/4/2019; 50.000.000đồng vay chương trình hộ nghèo theo số khế ước 6600000714758701 ngày 18/3/2019, mục đích vay để mua đất, xây nhà. Chị N đề nghị anh Lò Văn N có trách nhiệm trả nợ chung cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo.

** Bị đơn anh Lò Văn N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh N thống nhất với ý kiến của chị N, anh chị kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo trên sự tự nguyện của hai bên, không bị ép buộc lừa dối. Anh N thừa nhận vợ chồng xảy ra xung đột cãi chửi nhau do anh N sử dụng ma túy nên chị N đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên từ năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn yêu thương, quan tâm, liên lạc gì với nhau. Anh N đề nghị chị N phải trả toàn bộ nợ chung thì mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có hai người con chung là cháu Lò Thị Trâm O, sinh ngày 15/01/2014; cháu Lò Thanh T, sinh ngày 19/11/2018. Khi ly hôn do nguyện vọng của hai con muốn ở với ai thì ở.

- Về tài sản chung: Anh N thống nhất với chị N, anh chị có một ngôi nhà xây cấp 4 trên diện tích đất ở 156m², tọa lạc tại bản B, xã Q, huyện T. Khi ly hôn anh N yêu cầu được chia toàn bộ nhà, đất.

- Nợ chung: Anh N, chị N vay nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*) như Chị n trình bày. Mục đích vay để mua đất, xây nhà; anh N đề nghị chị N phải trả toàn bộ nợ chung.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, người đại diện theo ủy quyền là Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo trình bày. Hộ chị Cà Thị N, anh Lò Văn N vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo các khoản vay gồm: Chương trình cho vay hộ nghèo số tiền 50.000.000đồng theo số khế ước 6600000714758701 ngày vay 18/3/2019, hạn trả ngày 18/3/2024. Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 20.000.000đồng theo số khế ước 6600000715165635 ngày vay 18/4/2019, hạn trả ngày 18/4/2024. Đề nghị chị Cà Thị N, anh Lò Văn N có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản vay cho ngân hàng khi Tòa án giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án: Ngày 18 tháng 4 năm 2023 nguyên đơn chị Cà Thị N rút một phần yêu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung và phân chia nghĩa vụ trả nợ chung.

Tại phiên tòa ngày 05/6/2023: Chị Lò Thị N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Còn về chia tài sản chung, phân chia nghĩa vụ trả nợ chung chị N rút yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lò Văn N vắng mặt không có lý do.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Ông Nguyễn Phú Kh - Giám đốc, phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo, đề nghị phân chia nghĩa vụ trả nợ của chị Cà Thị N, anh Lò Văn N cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuần Giáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn chị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh N chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Lò Văn N.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Cà Thị N giao cháu Lò Thị Trâm O, sinh ngày 15/01/2014; cháu Lò Thanh T, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Cà Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lò Văn N chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung, giải quyết nợ chung do chị Cà Thị N đã rút yêu cầu khởi kiện. Chị Cà Thị N có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút. Về ý kiến của người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Do nguyên đơn chị Cà Thị N đã rút yêu cầu khởi kiện về giải quyết nợ chung và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Vì vậy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện vụ án khác.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi N cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt nguyên đơn: Chị Cà Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[1.2] Về sự vắng mặt bị đơn: Anh Lò Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Cà Thị N về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, phân chia nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn với anh Lò Văn N và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, phân chia nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lò Văn N có nơi cư trú tại bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

[2] Về áp dụng pháp luật: Chị Cà Thị N và anh Lò Văn N kết hôn năm 2015. Tòa án áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị N và anh Lò Văn N kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 07/10/2015 của UBND xã Quài Nưa (BL 02). Chị N, anh N thừa nhận hai người kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc hoặc lừa dối. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và

anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi chị N, anh N cư trú trước khi sống ly thân, xác định anh Lò Văn N sử dụng ma túy nên vợ chồng xung đột, cãi chửi nhau (BL 59) và anh N thừa nhận nghiện ma túy (BL 51). Hội đồng xét xử xét thấy do anh N sử dụng ma túy không chăm lo cho gia đình nên đời sống chung vợ chồng xung đột, cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nên chị N không muốn duy trì hôn nhân với anh N, đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2019 và sống ly thân là có căn cứ. Từ khi sống ly thân anh N, chị N đều thừa nhận đã “bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống”, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 17, 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Từ những phân tích trên thể hiện hôn nhân của chị N, anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Cà Thị N.

[4] Về con chung: Chị N, anh N có hai người con chung là cháu Lò Thị Trâm O, sinh ngày 15/01/2014; cháu Lò Thanh T, sinh ngày 19/11/2018. Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung; còn anh N thì theo nguyện vọng của con muốn ở với ai thì ở.

Hội đồng xét xử thấy chị N ngoài làm ruộng, còn đi làm công nhân phụ xây tạo thêm thu nhập và từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai con do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2019 đến nay, nguyện vọng của cháu O muốn ở cùng với chị N, không đồng ý ở với anh N. Còn anh N là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của hai bên, nguyện vọng của con và xem xét quyền lợi về mọi mặt cho con nên giao cho chị Cà Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Cà Thị N hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Căn cứ vào Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung, phân chia nghĩa vụ trả nợ chung, chị Cà Thị N có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút.

- Đối với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị phân chia nghĩa vụ trả nợ của chị N, anh N. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi nguyên đơn chị Cà Thị N có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết đối với nợ chung. Tòa án đã thông báo cho các đương sự biết nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện yêu cầu độc lập theo quy định tại Điều 201, 202 của Bộ luật Tố tụng

dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện vụ án khác.

[6] Án phí: Chị Cà Thị N là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị N.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo là phù hợp, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 69, 71, 72; khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 217, 218, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cà Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị N được ly hôn anh Lò Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Trâm O, sinh ngày 15/01/2014; cháu Lò Thanh T, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Cà Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Cà Thị N chưa yêu cầu anh Lò Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Cà Thị N có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Cà Thị N và anh Lò Văn N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản, phân chia nghĩa vụ trả nợ của chị Cà Thị N. Chị Cà Thị N có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cà Thị N được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Cà Thị N, anh Lò Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/6/2023).

Nơi nhận:
- Đường sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Quải Nưa, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Giàng A Tăng